

Các chỉ tiêu đánh giá an ninh tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quan hệ tín dụng ngân hàng

NCS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

Hà Nội

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có vị trí, vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế của mỗi nước, kể cả các nước có trình độ phát triển cao. Khu vực doanh nghiệp (DN) này đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc gia, tạo công ăn việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định và thường xuyên cho một bộ phận lớn dân cư, góp phần ổn định chính trị xã hội. Trong những năm gần đây, nhiều DNNVV của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp khó khăn, phải giải thể, tạm ngừng hoạt động, thậm chí phá sản... Tình trạng này ảnh hưởng tiêu cực không chỉ đến nền kinh tế nói chung mà còn gây rủi ro cho hoạt động tín dụng ngân hàng nói riêng. Tuy nhiên, trong khó khăn vẫn có không ít DN đã vượt qua và có những bước phát triển vượt bậc, trong đó, đảm bảo an ninh tài chính DN là một trong những nhân tố quan trọng giúp DN vượt qua khó khăn và phát triển.

1. An ninh tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa

DNNVV là những DN có quy mô nhỏ về mặt vốn, lao động hay doanh thu. DNNVV có thể chia thành ba loại cũng căn cứ vào quy mô, đó là DN siêu nhỏ (micro), DN nhỏ và DN vừa. Theo tiêu chí của Nhóm Ngân hàng Thế giới, DN siêu nhỏ

là DN có số lượng lao động dưới 10 người, DN nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 50 người, còn DN vừa có từ 50 đến 300 lao động. Ở Việt Nam, theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ, DN có số lượng lao động từ 10 người trở xuống được coi là DN siêu nhỏ, từ 10 đến dưới

200 người thì được coi là DN nhỏ và từ 200 đến 300 người thì được coi là DN vừa.

Các DN muốn đi vào hoạt động phải có một nguồn tài chính nhất định. Tài chính DNNVV là hệ thống các quan hệ kinh tế trong phân phối các nguồn tài chính gắn liền với quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DN nhằm đạt tới mục tiêu nhất định.

Trong quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, an ninh tài chính doanh nghiệp là vấn đề quan tâm của tất cả các quốc gia, các doanh nghiệp. Tuy từng giác độ nghiên cứu có những quan niệm khác nhau về an ninh tài chính DNNVV. Trên giác độ là ngân hàng thương mại có quan hệ tín dụng với các DNNVV, an ninh tài chính DNNVV là khái niệm cơ bản để chỉ một trạng thái ổn định về tình hình tài chính doanh nghiệp trong giới hạn an toàn theo các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá nhất định.

Bản chất của an ninh tài chính DNNVV là mức độ an toàn hợp lý được chấp nhận



trong hoạt động tài chính DN. Việc xem xét mức độ an toàn của tài chính DNNVV dựa vào các nội dung phản ánh tình hình tài chính DN, phản ánh thông qua các chỉ tiêu tài chính như khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện thời, tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu... Trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính của DN, người ta sử dụng các phương pháp khác nhau để đánh giá tình hình an ninh tài chính doanh nghiệp.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về an ninh tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xem xét trong quan hệ tín dụng ngân hàng

Khả năng thanh toán

Nguồn vốn của doanh nghiệp bao gồm hai loại: Nguồn vốn chủ sở hữu và nợ phải trả. Nợ phải trả bao gồm nợ phải trả trung dài hạn và nợ phải trả ngắn hạn. Khả năng thanh toán được hiểu là khả năng của doanh nghiệp có thể trả các khoản nợ đến hạn (*nợ ngắn hạn và nợ trung dài hạn đến hạn trả*).

Các khoản nợ của DN dù là nợ ngắn hạn hay trung, dài hạn luôn gắn với thời hạn thanh toán. Khi các khoản nợ của DN đến hạn, DN phải sử dụng tài sản có sẵn để thanh toán. Do đó, khả năng thanh toán của DN phụ thuộc vào tiền, tương đương tiền và khả năng chuyển đổi thành tiền của các tài sản sử dụng trong hoạt động kinh doanh của DN, như hàng tồn kho, các khoản phải thu của khách hàng. Trong ngắn hạn, khả năng thanh toán được đánh giá dựa trên tỷ lệ giữa

các khoản nợ ngắn hạn và các khoản nợ dài hạn đến hạn trả với các loại tiền và tài sản có khả năng chuyển đổi thành tiền của DN. Ngược lại, trong dài hạn, khả năng thanh toán chịu tác động của tình hình sản xuất kinh doanh của DN, sự biến động của vốn chủ sở hữu,...

Khả năng thanh toán giúp cho các đối tượng cần nắm thông tin đánh giá được một phần thực trạng an ninh tài chính doanh nghiệp để có những biện pháp, kế hoạch hoạt động cho mình. DN lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán trong ngắn hạn chứng tỏ tình hình tài chính đang gặp khó khăn. Khi không có nguồn vốn để trả các khoản nợ đến hạn, an ninh tài chính của DN không được đảm bảo, dẫn đến khả năng lâm vào tình trạng phá sản của doanh nghiệp. Và ngược lại, khi doanh nghiệp có đủ nguồn

của những DN lâm vào tình trạng này là một số DN xây dựng. Nhiều DN với hoạt động kinh doanh trên sổ sách là có lãi lớn nhưng đang rơi vào tình trạng khó khăn tài chính do chưa được thanh toán các công trình xây dựng đã hoàn thành, có số nợ xấu cao tại các ngân hàng, không có khả năng thanh toán cho các đối tác khách hàng. Các doanh nghiệp bị khủng hoảng, mức độ tín nhiệm không còn nên ngân hàng không thể tiếp tục cho vay vốn, bị rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán và nếu không được kịp thời tháo gỡ thì khả năng phải tuyên bố phá sản là khó tránh khỏi.

Khả năng thanh toán được đánh giá qua ba chỉ tiêu cơ bản: Hệ số khả năng thanh toán hiện thời; hệ số khả năng thanh toán nhanh; hệ số khả năng thanh toán tức thời.

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời

$$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nhanh

$$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán tức thời

$$= \frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

vốn để trả các khoản nợ đến hạn thì an ninh tài chính được bảo đảm.

Khả năng thanh toán là dấu hiệu tập trung biểu hiện thực trạng an ninh tài chính của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh có lãi nhưng có thể không có khả năng thanh toán. Điển hình trong thời gian qua

Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hiệu quả sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN theo mục tiêu đã đề ra. Hiệu quả sản xuất kinh doanh thể hiện trình độ sử dụng các nguồn lực của DN để đạt được kết quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Chỉ tiêu tập trung nhất để đánh giá



nội dung này là lợi nhuận- kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh, là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí mà DN bỏ ra. Đây là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp nói lên kết quả của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận giữ vị trí quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, quyết định sự tồn tại và phát triển của DN, là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo cho DN tăng trưởng một cách ổn định, vững chắc,

thiếu vốn để thanh toán nợ. DN có thể sẽ không bảo đảm được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, phải trông chờ nhiều vào nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu doanh nghiệp kinh doanh không có hiệu quả trong một thời gian nhất định, doanh nghiệp đó dễ rơi vào khủng hoảng và phá sản. Một minh chứng về sự khủng hoảng và phá sản của các doanh nghiệp

cửa, phải tiến hành các thủ tục cho phá sản theo luật định vào ngày 15/7/2004 do kinh doanh không có hiệu quả nhiều năm liền, khoản lỗ lũy kế đến thời điểm phá sản là hơn 100 tỷ đồng.

Thông thường, người ta đánh giá hiệu quả kinh doanh qua mối quan hệ giữa kết quả đầu ra với yếu tố đầu vào bằng các chỉ tiêu cụ thể như: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu; Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh; Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu...

Kinh doanh có hiệu quả với lợi nhuận cao trực tiếp tác động đến an ninh tài chính DN. DN kinh doanh có hiệu quả sẽ tạo điều kiện cho việc bổ sung chênh lệch dòng tiền đi vào lớn hơn dòng tiền đi ra khỏi DN, qua đó góp phần tạo nên cân bằng tài chính DN. Bên cạnh đó, quy mô vốn chủ sở hữu phụ thuộc rất lớn vào mức độ tự tích tụ vốn từ lợi nhuận của DN. Lợi nhuận của DN càng lớn thì khả năng tích tụ vốn từ lợi nhuận càng cao, quy mô vốn chủ sở hữu càng lớn, DN càng có đủ cơ sở vật chất để đảm bảo cho các khoản vay và đối với người cho vay. Đồng thời, khi kinh doanh có hiệu quả, uy tín của DN trên thị trường tăng cao, DN sẽ dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn như vốn tín dụng, huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu... Đây chính là các nguồn bổ sung tiềm lực tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, khả năng thanh toán của DN được đảm bảo.

đồng thời cũng là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước. Nếu DN bị thua lỗ liên tục, kéo dài sẽ sớm lâm vào tình trạng bị khủng hoảng, phá sản.

Như vậy, kinh doanh có hiệu quả là một yếu tố quan trọng tăng cường khả năng thanh toán của DN. Ngược lại, việc kinh doanh kém hiệu quả không những khiến DN không tự tích lũy được vốn, việc thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài gặp khó khăn mà còn làm cho DN có nguy cơ rơi vào tình trạng

xuất phát từ việc kinh doanh thua lỗ, kém hiệu quả là sự phá sản của Công ty Dệt Long An.

$$\text{Vốn kinh doanh bình quân} = \frac{\text{Vốn kinh doanh đầu kỳ} + \text{Vốn kinh doanh cuối kỳ}}{2}$$

Đây là một doanh nghiệp có thương hiệu lớn trong ngành dệt may của Việt Nam nhưng cuối cùng cũng đã bị đóng

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} \times 100\%}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} \times 100\%}{\text{Doanh thu}}$$

Trong đó, vốn kinh doanh bình quân được tính bằng công thức:

Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh phản ánh khả năng sinh lời của vốn kinh doanh không tính đến ảnh hưởng của thuế



$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} \times 100\%}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

thu nhập doanh nghiệp và lãi vay. Chỉ tiêu này cho biết, bình quân một đồng vốn tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo ra bao nhiêu lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, vốn chủ sở hữu bình quân được tính bằng công thức:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu đầu kỳ} + \text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ}}{2}$$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp. Nó cho biết bình quân một đồng vốn chủ sở hữu bỏ vào kinh doanh trong kỳ sẽ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Vòng quay toàn bộ vốn là một chỉ tiêu tổng hợp, cơ bản đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nói chung, không phân biệt đó là nợ phải trả hay vốn chủ sở hữu. Vòng quay vốn được hiểu là mối quan hệ giữa doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ với vốn kinh doanh bình quân của doanh nghiệp sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh. Hệ số này chịu sự ảnh hưởng đặc điểm ngành kinh doanh, chiến lược kinh doanh và trình độ quản lý sử dụng tài sản vốn của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này lớn thì việc thu hồi vốn bỏ vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp càng

nhANH, qua đó góp phần bảo đảm an ninh tài chính DN.

Cân bằng tài chính

Cân bằng tài chính DN được hiểu là việc duy trì cân bằng giữa luồng tiền ra với luồng tiền vào của doanh nghiệp. Dòng tiền đi vào DN bao gồm: Thu tiền từ việc bán hàng hóa

dịch vụ và doanh thu khác, thu tiền từ bán thanh lý tài sản, lãi cổ tức, lãi cho vay, thu tiền từ việc khách hàng trả nợ,... Dòng tiền đi ra khỏi DN bao gồm: Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ, tiền trả cho người lao động, trả lãi tiền vay, nộp thuế... Các

nguồn tạo ra dòng tiền đi vào và việc sử dụng tiền (các dòng tiền đi ra) thường được sắp xếp ở một trong ba nhóm hoạt động của DN: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của DN. Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động chủ yếu của DN bao gồm các hoạt động chính như sản xuất, thương mại, dịch vụ. Hoạt động đầu tư bao gồm đầu tư tài sản cố định, tài sản

$$\begin{aligned} & \text{Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh} = \text{Tiền thu vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh} - \text{Tiền chi ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh} \\ & \text{Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của DN} = \text{Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư} + \text{Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư} \end{aligned}$$

mang nét đặc trưng trong nền kinh tế thị trường như: Đầu tư kinh doanh bất động sản, liên doanh, hùn vốn... Hoạt động tài chính là các nghiệp vụ làm thay đổi cơ cấu tài chính của DN như: Tăng giảm các khoản vay, tăng giảm vốn chủ sở hữu, trả cổ tức. Sự cân bằng giữa dòng tiền đi vào và dòng tiền đi ra khỏi DN được thể hiện ở lưu chuyển tiền thuần trong kỳ và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Những

lưu chuyển tiền này trong thời gian dài cần dương (+) thì DN mới có khả năng tồn tại, thể hiện tiền thu bán hàng lớn hơn chi phí mà DN bỏ ra trong kỳ (hoạt động sản xuất kinh doanh của DN có hiệu quả); thể hiện dòng tiền đi vào lớn hơn dòng tiền đi ra khỏi DN. Đây sẽ là cơ sở để duy trì hoạt động của DN diễn ra liên tục, kéo theo các hoạt động đầu tư, tài trợ. Ngược lại, những lưu chuyển thuần của dòng tiền này nếu bị âm kéo dài sẽ gây khó khăn cho DN trong việc thanh toán các khoản nợ, thanh toán các hóa đơn mua hàng và do đó các chủ nợ có thể kiện ra tòa sẽ làm cho DN bị phá sản.

Cân bằng tài chính doanh nghiệp được xem xét chủ yếu qua hai chỉ tiêu:



động sản xuất kinh doanh của DN là chỉ tiêu so sánh khả năng tạo tiền so với việc sử dụng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh cần dương thì an ninh tài chính doanh nghiệp mới được bảo đảm và ngược lại.

Các chỉ tiêu đánh giá an ninh tài chính doanh nghiệp nêu trên chỉ là một số chỉ tiêu cơ bản phản ánh tình hình tài chính doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đánh giá tổng thể chất lượng hoạt động tài chính của DN chúng ta còn phải dựa vào nhiều yếu tố khác như: Số năm hoạt động, xu hướng của doanh nghiệp, chính sách trả nợ, các tranh chấp nếu có, kinh doanh trong và ngoài nước... Khi ra quyết định tín dụng với DN, ngoài các chỉ tiêu liên quan đến an ninh tài chính DN, chúng ta cần sử dụng tổng hợp các chỉ tiêu phi tài chính khác nữa mới đảm bảo an toàn tín dụng cho ngân hàng. ■

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2009), Nghị định 56/2009/NĐ-CP.
2. Tào Hữu Phùng, Trần Tiến Hưng (2003), An ninh tài chính doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện chủ động hội nhập quốc tế, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Vũ Đình Ánh (2001), An ninh tài chính đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng, NXB Tài chính, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Nam, Hoàng Xuân Quynh (2002), Rủi ro tài chính- thực tiễn và phương pháp đánh giá, NXB Tài chính, Hà Nội.

tiếp theo trang 42

ngân hàng sẽ tốt hơn.

○ Thứ bảy: Mặc dù hệ thống mạng lưới chi nhánh rất nhiều nhưng việc quản lý thanh khoản ở các chi nhánh chưa được xem xét trên nguyên tắc là một “ngân hàng độc lập”. Thanh khoản của chi nhánh phụ thuộc hoàn toàn vào hội sở. Chỉ số quản lý thanh khoản ở chi nhánh chưa được báo cáo. Việc tài trợ vốn từ hội sở và phụ thuộc vào hội sở đã làm gia tăng gánh nặng cho việc cân đối điều hòa vốn cho hệ thống. Việc này dẫn đến tình trạng là hội sở phải cân đối luôn nhu cầu cho các chi nhánh. ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đăng Dờn (2010), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Văn Tiến (2011), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Peter S. Rose (2001), “Quản trị ngân hàng thương mại” (bản dịch), NXB Tài Chính, Hà Nội.
4. Trần Huy Hoàng (2011), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Lao Động Xã Hội, Hà Nội.
5. Lê Phương Thảo (2010), Luận văn thạc sĩ “Quản trị rủi ro thanh khoản tại NHTM cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam”, trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
6. Luật các TCTD, Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010.
7. Thông tư số 15/2009/TT-NHNN ngày 10/08/2009; Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010; Thông tư số 21/2010/TT-NHNN ngày 08/10/2010; Thông tư số 19/2010/TT-

NHNN ngày 27/09/2010; Thông tư số 22/2011/TT-NHNN.

tiếp theo trang 8

Governance- www.oecd.org/daf/corporateaffairs/roundtables/asia

3. Trịnh Thanh Huyền, “Từ sở hữu chéo tại Chaebol đến thực tế NHTM Việt Nam”, bài viết trên website: <http://www.vietinbank.vn/web/home/vn/research/12/tu-so-huu-cheo-tai-chaebol-den-thuc-te-nhtm-viet-nam.html>, ngày 28/09/2013.

4. Laeven L. (2004), ‘The Corporate Governance of Banks: A Concise Discussion of Concepts and Evidence’, World Bank Policy Research Working Paper, No. 3404

5. Thanh Thanh Lan, “Mê cung sở hữu chéo ngân hàng ở Việt Nam”, bài viết trên website: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/me-cung-so-huu-cheo-ngan-hang-o-viet-nam-2859308.html>, ngày 03/08/2013

6. Đan Thanh, “Gia đình chủ tịch Nam Á Bank có vượt tỷ lệ sở hữu cho phép?”, bài viết trên website: <http://vietstock.vn/2013/08/gia-dinh-chu-tich-namabank-co-vuot-ty-le-so-huu-cho-phep-737-310310.htm>, ngày 30/08/2013

7. Báo cáo Kinh tế vĩ mô 2012, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

8. Bích Diệp, “Officials blames cross ownership for banking risk”, bài viết trên website: <http://www.dtinews.vn/en/news/018001/26191/official-blames-cross-ownership-for-banking-risks.html>, ngày 21/11/2012

9. Các báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên, Bản cáo bạch, công văn giải trình của các NHTM 2010- 2012.